

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ

Đỗ Thị Hồng Nhung¹, Lại Thị Yên Ngọc¹

Email: ngoclyt@vnu.edu.vn; ORCID: <https://orcid.org/0009-0004-9712-3994>

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 16/02/2026

Ngày phản biện đánh giá: 17/04/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 14/05/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1219

Tóm tắt: Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng năng lực tự học của sinh viên trong môi trường số, đồng thời xác định các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực này. Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng và phân tích tài liệu. Dữ liệu được thu thập thông qua khảo sát 291 sinh viên chính quy tại Trường Đại học Giáo dục - ĐHQGHN bằng bảng hỏi theo thang đo Likert. Kết quả nghiên cứu cho thấy năng lực tự học của sinh viên trong môi trường số đạt mức trung bình; sinh viên có ưu thế ở khả năng khai thác công nghệ và học liệu số trong tự học nhưng còn hạn chế trong kỹ năng lập kế hoạch và xác định mục tiêu. Các yếu tố như động lực học tập, khả năng tự điều chỉnh, năng lực số và sự hỗ trợ từ môi trường học tập có ảnh hưởng đáng kể đến năng lực tự học của sinh viên.

Từ khóa: năng lực tự học, môi trường số, đánh giá năng lực, năng lực tự học trong môi trường số, công nghệ và học liệu số

I. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục diễn ra mạnh mẽ, môi trường học tập của sinh viên đại học đang thay đổi. Sự phát triển của hệ thống quản lý học tập trực tuyến, học liệu mở, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng công nghệ giáo dục đã mở rộng hoạt động học tập vượt ra ngoài lớp học truyền thống. Sinh viên không còn chủ yếu tiếp nhận tri thức từ giảng viên mà phải chủ động xác định mục tiêu, lựa chọn học liệu và điều chỉnh quá trình học tập. Vì vậy, năng lực tự học ngày càng được

xem là năng lực cốt lõi quyết định hiệu quả học tập hiện nay.

Nghiên cứu về năng lực tự học phát triển theo nhiều hướng tiếp cận. Hướng nghiên cứu thứ nhất tập trung làm rõ bản chất và cấu trúc của năng lực tự học. Knowles (1975) cho rằng người học cần chủ động xác định nhu cầu, mục tiêu và chiến lược học tập. Zimmerman (2000, 2002) và Pintrich (2004) tiếp cận tự học dưới góc độ học tập tự điều chỉnh, nhấn mạnh vai trò của động cơ học tập, kiểm soát hành vi và phản tư trong chu trình

¹ Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

học tập. Nhiều nghiên cứu gần đây cho rằng năng lực tự học trong môi trường số không thể tách rời năng lực số và khả năng khai thác công nghệ. Hướng nghiên cứu thứ hai tập trung vào đánh giá năng lực tự học. Các nghiên cứu hiện nay có xu hướng đánh giá trực tiếp hành vi tự điều chỉnh. Phạm vi đánh giá được mở rộng sang các biểu hiện như quản lý học liệu số, sử dụng công cụ công nghệ và kiểm chứng thông tin trực tuyến. Hướng nghiên cứu thứ ba tập trung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực tự học. Nhiều công trình cho thấy năng lực tự học chịu tác động từ động cơ học tập, khả năng tự điều chỉnh, năng lực số và môi trường học tập. Biwer và cộng sự (2021) chỉ ra rằng sinh viên có khả năng tự điều chỉnh tốt thường thích nghi hiệu quả hơn với học tập trực tuyến.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu của (Nguyễn & Lê (2022), Đào & cộng sự (2023) đã phản ánh thực trạng tự học của sinh viên. Tuy nhiên, phần lớn nghiên cứu hiện nay vẫn tiếp cận năng lực tự học theo từng khía cạnh riêng lẻ như động cơ học tập hoặc kỹ năng sử dụng công nghệ. Mối liên hệ giữa tự điều chỉnh học tập, năng lực số và môi trường học tập số chưa được xem xét trong một cấu trúc thống nhất. Đồng thời, nhiều nghiên cứu mới dừng ở mô tả thực trạng hoặc phân tích riêng biệt từng yếu tố ảnh hưởng. Từ khoảng trống đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá năng lực tự học của sinh viên trong môi trường số và phân tích các yếu tố ảnh hưởng. Nghiên cứu tiếp cận năng lực tự học như một cấu trúc tích hợp giữa khả năng tự điều chỉnh học tập và năng

lực khai thác công nghệ trong môi trường số. Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở lý luận về năng lực tự học trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục, đồng thời cung cấp cơ sở tham chiếu cho các cơ sở giáo dục đại học.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Năng lực tự học

Theo Holec (1981), năng lực tự học là khả năng người học chịu trách nhiệm đối với quá trình học tập của chính mình, thể hiện qua việc chủ động xác định mục tiêu, nội dung, kế hoạch học tập, lựa chọn phương pháp phù hợp và tự đánh giá hiệu quả học tập. Cách tiếp cận này nhấn mạnh vai trò chủ thể của người học trong việc tổ chức và điều chỉnh hoạt động học tập, xem tự học không chỉ là học độc lập mà còn là năng lực tự quản lý và tự kiểm soát quá trình học tập nhằm đạt được mục tiêu đề ra.

2.2. Môi trường số

Theo Yot-Domínguez và Marcelo (2017), môi trường số trong giáo dục là một không gian học tập hỗ trợ bởi công nghệ số bao gồm hệ thống quản lý học tập (LMS), nền tảng học tập trực tuyến, tài nguyên học tập số, trí tuệ nhân tạo (AI) và các công cụ hỗ trợ học tập trực tuyến khác. Phát triển của môi trường số đã làm thay đổi cách thức tiếp cận tri thức và tổ chức hoạt động học tập của người học. Trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay, môi trường số mở rộng cơ hội học tập song cũng đặt ra những yêu cầu cao hơn về kỹ năng tự điều chỉnh và quản lý học tập của người học.

2.3. Năng lực tự học trong môi trường số

Ở môi trường số, năng lực tự học không chỉ bao gồm kỹ năng học tập tự chủ mà còn kỹ năng khai thác công nghệ và học liệu số để phục vụ mục tiêu học tập. Theo Faza và Lestari (2025), năng lực tự học trong môi trường số là sự kết hợp giữa năng lực tự điều chỉnh học tập và năng lực số của người học. Người học cần biết cách lập kế hoạch và xác định mục tiêu học tập, lựa chọn phương pháp phù hợp, quản lý tiến trình học tập và tận dụng công nghệ số để tối ưu hóa quá trình học tập.

2.4. Lý thuyết học tập tự định hướng và học tập tự điều chỉnh

Nghiên cứu được xây dựng dựa trên lý thuyết học tập tự định hướng (SDL) và học tập tự điều chỉnh (SRL). Theo Knowles (1975), lý thuyết học tập tự định hướng tập trung vào vai trò chủ động của người học trong việc tự định rõ nhu cầu, mục tiêu và nguồn lực để học. Ngược lại, lý thuyết học tập tự điều chỉnh của Zimmerman (2000, 2002) xem tự học là một quá trình tự điều chỉnh gồm ba giai đoạn là chuẩn bị, thực hiện và phản tư. Ở mỗi giai đoạn, người học phải thường xuyên kiểm tra, giám sát và điều chỉnh hoạt động học tập để đạt được hiệu quả tối ưu. So với SDL, lý thuyết SRL làm rõ hơn quy trình bên trong của tự học tập và coi là một lý thuyết phù hợp để phân tích hành vi học tập của sinh viên trong môi trường số hiện nay.

2.5. Các thành tố của năng lực tự học trong môi trường số

Nghiên cứu các thành tố của năng lực tự học trong môi trường số được

xây dựng trên cơ sở tích hợp hai nền tảng lý thuyết là học tập tự định hướng (SDL) của Knowles (1975) và học tập tự điều chỉnh (SRL) của Zimmerman (2000, 2002). Nếu SDL nhấn mạnh vai trò chủ động của người học trong việc xác định nhu cầu, mục tiêu và lựa chọn nguồn lực học tập, thì SRL tập trung lý giải cơ chế vận hành của quá trình học thông qua lập kế hoạch, kiểm soát hành vi và phản tư. Việc kết hợp hai tiếp cận này cho phép nhìn nhận năng lực tự học như một cấu trúc phản ánh tính tự chủ và khả năng tự điều chỉnh. Trong môi trường số, năng lực tự học không chỉ gắn với khả năng học tập độc lập mà còn gắn với việc khai thác công nghệ và học liệu số. Trên cơ sở đó, nghiên cứu xác định năm thành tố của năng lực tự học gồm: (1) động cơ và sự sẵn sàng học tập số; (2) lập kế hoạch và xác định mục tiêu; (3) thực hiện và kiểm soát hành vi; (4) khai thác công nghệ và học liệu số; (5) tự đánh giá và phản tư. Các thành tố này phản ánh chu trình tự học, từ hình thành động cơ, tổ chức hoạt động học tập đến giám sát, điều chỉnh và tối ưu hóa học với sự hỗ trợ của công nghệ số.

III. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thiết kế và mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tài liệu để xây dựng cấu trúc năng lực tự học trong môi trường số, hệ thống chỉ báo và hoàn thiện bảng hỏi. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập thông qua khảo sát bằng bảng hỏi đối với 291 sinh viên hệ chính quy đang học tập tại Trường Đại học Giáo dục - ĐHQGHN. Nội dung bảng hỏi được xây dựng trên cơ sở

lý thuyết SDL, SRL và cơ sở lý luận về năng lực tự học trong môi trường số, các biến quan sát được đo lường bằng thang Likert 5 mức độ.

3.2. Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu

Dữ liệu khảo sát được thu thập dưới hình thức trực tuyến với 291 sinh viên, sau khi làm sạch dữ liệu thu về được 272 phiếu. Sau khi sàng lọc và mã hóa, dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS với các kỹ thuật thống kê phù hợp với mục tiêu nghiên cứu. Nghiên cứu sử dụng thống kê mô tả để đánh giá mức độ biểu hiện của các thành tố của năng lực tự học; kiểm định Cronbach's Alpha nhằm đánh giá độ tin cậy của thang đo. Kết quả cho thấy các thang đo đều đạt độ tin cậy tốt với hệ số Cronbach's Alpha dao động từ 0,74 đến 0,84 và hệ số tương quan biến

tổng đều lớn hơn 0,5, đảm bảo điều kiện sử dụng cho các phân tích tiếp theo. Đồng thời, kiểm định Independent Samples T-test và ANOVA được sử dụng để phân tích sự khác biệt về năng lực tự học theo các đặc điểm cá nhân của sinh viên. Phân tích hồi quy được thực hiện nhằm xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố như động lực học tập, khả năng tự điều chỉnh, năng lực số và môi trường học tập đến năng lực tự học của sinh viên trong môi trường số.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Thực trạng năng lực tự học của sinh viên trong môi trường số

Nghiên cứu tiến hành phân tích giá trị trung bình và độ lệch chuẩn của các thành tố trong năng lực tự học trong môi trường số. Kết quả được trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1. Thực trạng năng lực tự học của sinh viên

STT	Các thành tố của năng lực tự học trong môi trường số	Mean	Mean thành tố	SD
1	Động cơ và sự sẵn sàng học tập số			
1.1	Chủ động học tập số	2,92	3,03	1,09
1.2	Tự tin công nghệ	3,04		1,19
1.3	Hứng thú học tập số	3,07		1,15
1.4	Định hướng học sâu	3,10		1,06
2	Lập kế hoạch và xác định mục tiêu			
2.1	Xác định mục tiêu	3,07	3,03	1,14
2.2	Lập kế hoạch học tập	2,96		1,13
2.3	Lựa chọn học liệu	3,02		1,18
2.4	Xây dựng lộ trình học tập	3,06		1,12
3	Thực hiện và kiểm soát hành vi			
3.1	Duy trì kỷ luật học tập	3,13	3,10	1,16
3.2	Tập trung học tập	3,14		1,16
3.3	Kiểm soát xao nhãng	3,05		1,16
3.4	Kiên trì học tập	3,09		1,16

STT	Các thành tố của năng lực tự học trong môi trường số	Mean	Mean thành tố	SD
4	Khai thác công nghệ và học liệu số			
4.1	Đánh giá thông tin	3,04	3,07	1,14
4.2	Sử dụng công cụ số	3,09		1,15
4.3	Quản lý học liệu	3,03		1,11
4.4	Tối ưu hóa công nghệ	3,11		1,14
5	Tự đánh giá và phản tư			
5.1	Tự đánh giá kết quả	3,15	3,10	1,11
5.2	Nhận diện hạn chế	3,11		1,16
5.3	Điều chỉnh học tập	3,11		1,12
5.4	Phản tư học tập	3,03		1,18

Kết quả nghiên cứu cho thấy năng lực tự học của sinh viên trong môi trường số hiện nay chỉ đạt mức trung bình (Mean = 3,07; SD = 0,83). Điều này phản ánh rằng phần lớn sinh viên đã thích nghi bước đầu với học tập số nhưng chưa hình thành được cơ chế tự học ổn định và có tính tự điều chỉnh cao. Khoảng dao động giữa các thành tố không lớn (Mean từ 3,03 đến 3,10), cho thấy hạn chế của sinh viên không xuất hiện ở một kỹ năng riêng lẻ mà trải rộng trên toàn bộ chu trình tự học, từ xác định mục tiêu, tổ chức học tập đến kiểm soát hành vi và phản tư học tập. Trong các thành tố cấu thành, “Thực hiện và kiểm soát hành vi” và “Tự đánh giá và phản tư” có điểm trung bình cao hơn các nhóm còn lại (Mean = 3,10). Kết quả này cho thấy sinh viên đã bước đầu hình thành khả năng duy trì hoạt động học tập và theo dõi kết quả học tập của bản thân. Tuy nhiên, mức điểm chỉ ở ngưỡng trung bình khá phản ánh rằng khả năng tự kiểm soát hành vi học tập vẫn thiếu tính bền vững. Trong môi trường số, sinh viên thường xuyên học tập trong điều kiện ít giám sát trực tiếp và chịu tác động mạnh

từ mạng xã hội, nội dung giải trí hoặc tình trạng quá tải thông tin. Điều đó khiến người học dễ tham gia học tập nhưng khó duy trì sự tập trung trong thời gian dài. Đáng chú ý, “Lập kế hoạch và xác định mục tiêu” là thành tố có điểm trung bình thấp nhất (Mean = 3,03), đặc biệt chỉ báo “Lập kế hoạch học tập” chỉ đạt Mean = 2,96. Kết quả này cho thấy nhiều sinh viên vẫn học tập theo yêu cầu ngắn hạn thay vì xây dựng chiến lược học tập dài hạn. Việc tiếp cận học liệu thuận lợi giúp người học linh hoạt hơn, nhưng đồng thời cũng dễ làm suy giảm tính kỷ luật nếu thiếu cơ chế tự quản lý rõ ràng. Kết quả này củng cố nhận định cho nghiên cứu của Nguyễn & Lê, (2022), khi các tác giả cho rằng sinh viên trong bối cảnh học trực tuyến có xu hướng thành thạo sử dụng công nghệ nhưng còn hạn chế ở khả năng tổ chức và điều phối hoạt động học tập. Phát hiện này cũng phù hợp với quan điểm của Zimmerman (2002) về học tập tự điều chỉnh, trong đó hiệu quả tự học phụ thuộc chủ yếu vào khả năng kiểm soát mục tiêu, hành vi và chiến lược học tập hơn là mức độ tiếp cận công nghệ đơn thuần.

4.2. Sự khác biệt về năng lực tự học theo đặc điểm cá nhân

Kết quả kiểm định cho thấy năng lực tự học của sinh viên trong môi trường số không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê theo giới tính, năm học, ngành đào tạo và mức độ sử dụng công nghệ

Bảng 2. Sự khác biệt về năng lực tự học theo đặc điểm cá nhân

Đặc điểm	Giá trị kiểm định	Sig.
Giới tính	$t = 0,63$	0,53
Năm học	$F = 0,12$	0,95
Ngành đào tạo	$F = 0,54$	0,71
Mức độ sử dụng công nghệ	$F = 0,03$	0,99

Đối với yếu tố giới tính, sinh viên nam có điểm trung bình năng lực tự học cao hơn sinh viên nữ (Mean nam = 3,11; Mean nữ = 3,03), tuy nhiên sự chênh lệch này không có ý nghĩa thống kê ($t = 0,63$; Sig. = 0,53). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Đào Thị Hạnh và cộng sự (2023), khi các tác giả cũng cho rằng sự khác biệt về năng lực tự học không còn biểu hiện rõ trong bối cảnh số hóa giáo dục.

Đối với năm học, điểm trung bình năng lực tự học giữa các nhóm chỉ dao động từ 3,02 đến 3,09; trong đó sinh viên năm 3 đạt mức cao nhất (Mean = 3,09) và sinh viên năm 2 đạt mức thấp nhất (Mean = 3,02). Tuy nhiên, kết quả ANOVA cho thấy sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê ($F = 0,12$; Sig. = 0,95). Điều này phản ánh rằng năng lực tự học trong môi trường số chưa hình thành theo cơ chế tích lũy tuyến tính như trong mô hình học tập truyền thống. Sinh viên từ các năm đầu đã có thể tiếp cận LMS, học liệu số và công cụ AI, vì vậy khoảng cách về trải nghiệm học tập giữa các nhóm năm học có xu hướng thu hẹp.

(Sig. > 0,05). Kết quả này cho thấy trong bối cảnh học tập số, năng lực tự học không còn phụ thuộc mạnh vào các đặc điểm nhân khẩu học truyền thống mà chịu tác động lớn hơn từ khả năng tự điều chỉnh và cách thức người học khai thác môi trường học tập số.

Kết quả phân tích theo ngành đào tạo cũng không ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về năng lực tự học giữa các nhóm sinh viên ($F = 0,54$; Sig. = 0,71). Điều này cho thấy năng lực tự học trong môi trường số đang trở thành năng lực nền tảng phổ quát hơn là năng lực gắn với đặc thù ngành học. Trong điều kiện học liệu số được triển khai rộng rãi, sinh viên ở nhiều lĩnh vực đào tạo đều tiếp cận phương thức học tập giống nhau.

Đối với mức độ sử dụng công nghệ, kết quả kiểm định cho thấy thời gian sử dụng thiết bị số không tạo ra khác biệt đáng kể về năng lực tự học ($F = 0,03$; Sig. = 0,99). Kết quả này cho thấy việc sử dụng công nghệ với tần suất cao chưa đồng nghĩa với khả năng tự học hiệu quả. Phát hiện trên cho thấy xu hướng tương tự với quan điểm của Yot-Domínguez và Marcelo (2017), khi các tác giả nhấn mạnh rằng hiệu quả tự học trong môi trường số phụ thuộc nhiều hơn vào chiến lược sử dụng công nghệ thay vì mức độ sử dụng đơn thuần. Điều đó cho thấy giá trị của

công nghệ trong tự học không nằm ở thời lượng tiếp cận mà ở khả năng lựa chọn và kiểm soát hoạt động học tập.

4.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực tự học trong môi trường số

Kết quả phân tích cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực tự học của sinh viên trong môi trường số đều được đánh giá ở mức trung bình, với điểm trung bình của nhóm yếu tố cá nhân đạt 3,01

Bảng 3. Kết quả hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực tự học

Yếu tố	Beta	Sig.
Nhóm yếu tố cá nhân	0,51	0,00
Nhóm yếu tố môi trường	0,59	0,00

Kết quả phân tích hồi quy cho thấy mô hình nghiên cứu có độ phù hợp tương đối cao với hệ số xác định $R^2 = 0,65$, nghĩa là các biến độc lập giải thích được khoảng 64,8% sự biến thiên của năng lực tự học trong môi trường số. Đồng thời, kiểm định ANOVA đạt ý nghĩa thống kê với $\text{Sig.} = 0,00 < 0,05$, khẳng định mô hình có khả năng giải thích tốt dữ liệu nghiên cứu.

Nhóm yếu tố cá nhân có tác động tích cực đến năng lực tự học với hệ số $\text{Beta} = 0,51$ ($\text{Sig.} < 0,001$). Kết quả này cho thấy động lực học tập, khả năng tự điều chỉnh và năng lực số giữ vai trò nền tảng trong việc duy trì hoạt động tự học của sinh viên. Trong môi trường số, người học phải tự quản lý tiến độ học tập, lựa chọn học liệu và kiểm soát sự phân tán chú ý nhiều hơn so với mô hình học tập truyền thống. Vì vậy, sinh viên có khả năng tự điều chỉnh tốt thường chủ động hơn trong việc duy trì mục tiêu học tập và thích nghi hiệu quả hơn với môi trường học tập linh hoạt. Kết quả này phù hợp

($\text{SD} = 0,94$) và nhóm yếu tố môi trường đạt 3,01 ($\text{SD} = 0,93$). Mức độ phân tán của dữ liệu không lớn cho thấy sinh viên có xu hướng nhìn nhận khá tương đồng về vai trò của các yếu tố tác động đến quá trình tự học. Điều này phản ánh rằng trong bối cảnh học tập số, sinh viên đã có nhận thức nhất định về tầm quan trọng của cả nội lực cá nhân lẫn môi trường học tập.

với quan điểm của Zimmerman (2002), khi tác giả cho rằng tự điều chỉnh học tập là điều kiện cốt lõi giúp người học kiểm soát hành vi, động cơ và chiến lược học tập để đạt mục tiêu đề ra. Đồng thời, kết quả cũng tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn & Lê, (2022), khi các tác giả nhận định động lực học tập và khả năng thích ứng với công nghệ có liên hệ trực tiếp với hiệu quả tự học của sinh viên trong học tập trực tuyến.

Tuy nhiên, nhóm yếu tố môi trường lại có mức độ tác động mạnh hơn với hệ số $\text{Beta} = 0,59$ ($\text{Sig.} < 0,001$). Điều này cho thấy trong môi trường số, hiệu quả tự học không chỉ phụ thuộc vào nỗ lực cá nhân mà còn chịu ảnh hưởng lớn từ bối cảnh học tập. Những yếu tố như sự hỗ trợ của giảng viên, cấu trúc học liệu số, cách thức tổ chức dạy học và khả năng kết nối của nền tảng công nghệ đều tác động trực tiếp đến khả năng duy trì động lực và kiểm soát hoạt động học tập của sinh viên. Kết quả trên cho thấy sự

nhất quán với tổng quan nghiên cứu của Faza và Lestari (2025), khi các tác giả nhấn mạnh rằng môi trường học tập số

đóng vai trò như hệ sinh thái hỗ trợ giúp người học vận hành hiệu quả quá trình tự điều chỉnh học tập.

Bảng 4. Tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng và năng lực tự học

Biến	Yếu tố cá nhân	Yếu tố môi trường	Năng lực tự học
Yếu tố cá nhân	1	0,06	0,55**
Yếu tố môi trường	0,06	1	0,62**
Năng lực tự học	0,55**	0,62**	1

Ghi chú: **Sig. < 0,01

Kết quả phân tích tương quan Pearson tiếp tục củng cố nhận định trên. Yếu tố môi trường có mối tương quan mạnh hơn với năng lực tự học ($r = 0,62$) so với yếu tố cá nhân ($r = 0,55$), và cả hai mối tương quan đều có ý nghĩa thống kê ở mức 0,01. Trong khi đó, mối tương quan giữa yếu tố cá nhân và yếu tố môi trường không có ý nghĩa thống kê ($r = 0,06$; Sig. = 0,31). Điều này cho thấy hai nhóm yếu tố tác động tương đối độc lập đến năng lực tự học. Vì vậy, việc nâng cao năng lực tự học trong môi trường số cần được triển khai đồng thời từ cả phía người học và môi trường đào tạo, thay vì chỉ tập trung vào một yếu tố riêng lẻ. Phát triển năng lực tự học cần được triển khai từ phía người học và môi trường đào tạo nhằm tăng cường tự điều chỉnh, duy trì động lực và sử dụng công nghệ số phục vụ học tập hiệu quả.

V. Kết luận

Như vậy, thông qua nghiên cứu về năng lực tự học trong môi trường số cho thấy năng lực tự học của sinh viên đạt mức độ trung bình, cho thấy sinh viên đã bắt đầu làm quen với môi trường học tập số song chưa phát triển năng lực tự điều chỉnh học tập một cách đầy đủ. Sinh viên thể hiện ưu thế tương đối trong việc khai thác công nghệ số, song còn hạn chế ở khả năng lập kế hoạch, kiểm soát học tập và tự đánh giá.

Đặc biệt, nghiên cứu không tìm thấy sự khác biệt đáng kể trong việc phát triển năng lực tự học theo các tiêu chí giới tính, năm học, ngành đào tạo hoặc mức độ sử dụng công nghệ. Điều này cho thấy trong bối cảnh số hóa giáo dục, năng lực tự học ngày càng trở thành một năng lực phổ quát, ít phụ thuộc vào những yếu tố nhân khẩu học truyền thống. Nghiên cứu hồi quy và tương quan cho thấy năng lực tự học trong môi trường số bị tác động đồng thời bởi yếu tố cá nhân và yếu tố môi trường, song yếu tố môi trường có tác động lớn hơn. Điều này phản ánh rằng hiệu quả tự học của sinh viên không chỉ phụ thuộc vào nội lực mà còn phụ thuộc vào chất lượng môi trường học tập số, sự hỗ trợ của giảng viên và phương pháp tổ chức dạy học. Theo kết quả nghiên cứu, có thể thấy muốn nâng cao năng lực tự học trong bối cảnh chuyển đổi số, cần phát triển cùng lúc cả năng lực tự học và môi trường học tập số hỗ trợ.

Tài liệu tham khảo:

Biwer, F., Wiradhany, W., oude Egbrink, M., Hospers, H., Wasenitz, S., Jansen, W., & de Bruin, A. (2021). Changes and Adaptations: How University Students Self-Regulate Their Online Learning During the COVID-19 Pandemic. *Frontiers in Psychology*, 12, 642593. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2021.642593>

- Đào, T. H., Nguyễn, N. T., Phạm, T. Q., Dương, T. H., & Bé, T. Đ. (2023). Năng lực tự học và một số yếu tố liên quan: Nghiên cứu trường hợp sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 19(10), 51-56.
- Faza, N. N., & Lestari, D. (2025). Self-regulated learning in the digital age: A systematic review of strategies, technologies, benefits, and challenges. *International Review of Research in Open and Distributed Learning*, 26(2).
- Holec, H. (1981). *Autonomy and foreign language learning*. Pergamon Press.
- Knowles, M. S. (1975). *Self-directed learning: A guide for learners and teachers*. Association Press.
- Nguyễn, V. T., & Lê, T. H. (2022). Đánh giá năng lực tự học của sinh viên trong bối cảnh học trực tuyến. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 18(2), 55-63.
- Yot-Domínguez, C., & Marcelo, C. (2017). University students' self-regulated learning using digital technologies. *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, 14, Article 38.
- Zimmerman, B. J. (2000). Attaining self-regulation: A social cognitive perspective. In M. Boekaerts, P. Pintrich, & M. Zeidner (Eds.), *Handbook of self-regulation* (pp. 13-39). Academic Press.
- Zimmerman, B. J. (2002). Becoming a self-regulated learner: An overview. *Theory Into Practice*, 41(2), 64-70.

ASSESSING STUDENTS' SELF-LEARNING COMPETENCE IN THE DIGITAL ENVIRONMENT

Do Thi Hong Nhung¹, Lai Thi Yen Ngoc¹

Abstract: *This study aims to assess the current state of university students' self-learning competence in digital environments and identify the factors influencing this competence. The research employed a quantitative approach combined with document analysis. Data were collected through a Likert-scale questionnaire administered to 291 full-time students at the University of Education - Vietnam National University, Hanoi. The findings indicate that students' self-learning competence in digital environments is at a moderate level. Students demonstrated relative strengths in utilizing digital technologies and learning resources for self-learning; however, limitations were identified in planning and goal-setting skills. The results also reveal that factors such as learning motivation, self-regulation ability, digital competence, and support from the learning environment significantly influence students' self-learning competence.*

Keywords: *self-learning competence, digital learning environment, assessment of self-learning competence, self-regulated learning, digital technologies, and learning resources*

¹ University of Education - Vietnam National University, Hanoi, Vietnam